

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày 26/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thế Dũng và bà Lê Thị Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phúc Hương Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 08/4/2024, đối với bị cáo:

Hoàng Xuân P, sinh ngày 22/8/1993 tại tỉnh Tuyền Quang

Nơi đăng ký HKTT: **Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố I, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.**

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1960 và bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1965; vợ: **Nguyễn Thị Phương T2**, sinh năm 2000; con: có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023.

- Tiền án; tiền sự, nhân thân: không

* Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú tại **phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.** (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Phạm Thị Ngọc K**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Tổ dân phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.** (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh **Cao Đức C**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang.** (vắng

mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh **Phan Thế N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**. (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2021 đến tháng 9/2023, **Hoàng Xuân P**, đăng ký hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T**, sử dụng số tiền 25.000.000 đồng cho nhiều người ở **phường Đ, thành phố T** vay với lãi suất cao 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/01 năm), mục đích để thu lợi nhuận.

Hình thức cho vay là khi vay tiền, người vay sẽ phải trả một khoản tiền lãi cố định theo ngày, một tháng tính tròn là 30 ngày cho đến khi trả được hết số tiền gốc đã vay. Việc giao, nhận tiền đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng.

Quá trình điều tra xác định **Hoàng Xuân P** đã cho 03 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, cụ thể như sau:

1. Chị **Phạm Thị Ngọc K**, trú tại **tổ dân phố D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang** vay 01 lần:

Ngày 05/02/2021, **P** cho **K** vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày; tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng là 1.350.000 đồng. Từ ngày 05/02/2021 đến 05/9/2023 (31 tháng), **K** trả cho **P** tổng số tiền lãi là 41.850.000 đồng, tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (*sau đây gọi là số tiền lãi hợp pháp*), trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 7.644.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 34.206.000 đồng. Hiện **K** chưa trả tiền gốc 15.000.000 đồng cho **P**.

2. Anh **Cao Đức C**, trú tại **tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang** vay 01 lần:

Ngày 10/5/2022, **P** cho **C** vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng là 450.000 đồng. Từ ngày 10/5/2022 đến ngày 10/11/2022 (06 tháng), **C** trả cho **P** tổng số tiền lãi là 2.700.000 đồng, tương ứng với lãi suất 109,5%, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 494.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.206.000 đồng. Tháng 11/2023, **C** trả hết tiền gốc cho **P**.

3. Anh **Phan Thế N**, trú tại **tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang** vay 01 lần:

Ngày 16/9/2022, **P** cho **N** vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tính lãi 30 ngày/tháng, trả lãi 01 lần/tháng là 450.000 đồng. Từ ngày 16/9/2022 đến ngày 16/7/2023 (10 tháng), **C** trả cho **P** tổng số tiền lãi là 4.500.000 đồng, tương ứng với lãi suất 109,5%, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 822.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.678.000 đồng. Tháng 7/2023, **N** trả hết số tiền gốc cho **P**.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 09/2023, tại **thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Hoàng Xuân P** cho 03 người vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương từ 109,5%/năm, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền Phong cho vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 49.050.000 đồng, trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 8.960.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 40.090.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả cho **P** là 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu vàng hồng, bên trong có lắp 01 sim có dãy số 8984048831004129059.

Về dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Ngọc K**, anh **Cao Đức C**, anh **Phan Thế N** không yêu cầu, đề nghị về dân sự.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo **Hoàng Xuân P** nộp lại số tiền thu lợi bất chính và số tiền gốc đã thu về. Yêu cầu chị **Phạm Thị Ngọc K** nộp lại số tiền gốc chưa trả cho bị cáo **P**. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên bị cáo **P** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **K** chưa thực hiện.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKSTP ngày 26 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo **Hoàng Xuân P** về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Hoàng Xuân P** về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phạt bị cáo **Hoàng Xuân P** từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã phạt tiền là hình phạt chính nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Ngọc K**, anh **Cao Đức C**, anh **Phan Thế N** không yêu cầu, đề nghị về dân sự nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

* Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị HĐXX tuyên:

- Truy thu của bị cáo **Hoàng Xuân P**:
 - + Khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay đã thu nợ được từ người vay là 10.000.000 đồng.
 - + Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của người vay là 8.960.000 đồng.
 - Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu vàng hồng, bên trong có lắp 01 sim có dãy số 8984048831004129059. (do xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội).
 - Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị **Phạm Thị Ngọc K** số tiền 15.000.000 đồng (là tiền gốc đã vay của **P** nhưng chưa trả).
 - Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 136, 331, 333 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
- Bị cáo **Hoàng Xuân P** không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên.
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến bổ sung gì.
- Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo **Hoàng Xuân P** nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy những người này đều đã có những lời khai tại cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo **Hoàng Xuân P** thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu vật chứng thu giữ,

các bản sao kê chi tiết giao dịch ngân hàng, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ khác.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 02/2021 đến tháng 9/2023, tại thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Hoàng Xuân P, đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T sử dụng số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) cho chị Phạm Thị Ngọc K, trú tại tổ dân phố D, phường Đ, thành phố T; Anh Cao Đức C, trú tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố T; Anh Phan Thế N, trú tại tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T vay tiền với lãi suất cao, gấp 5,48 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/năm), tương ứng với mức lãi suất 109,5%/01 năm, cụ thể là 3000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thu tổng số tiền lãi là 49.050.000 đồng, trong đó: tiền lãi hợp pháp là 8.960.000 đồng, tiền thu lãi bất chính là 40.090.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Hoàng Xuân P là 40.090.000 đồng. Số tiền gốc mà người vay chưa trả cho P là 15.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Xuân P đã đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quản lý kinh tế, tiền tệ của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, không những xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân mà còn ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có nhận thức, đã biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử thấy để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hoàng Xuân P đã lợi dụng sự khó khăn về kinh tế nhưng cần có tiền ngay để giải quyết nhu cầu cá nhân của người vay, đưa ra thủ tục vay tiền đơn giản, nhanh gọn, có tiền ngay để thu hút vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời. Động cơ phạm tội là vì vụ lợi, mục đích là lấy được tiền của người vay qua hình thức thu tiền lãi. Bị cáo đã thu tiền lãi từ 3.000đ đến /1 triệu/1 ngày, tương đương với 109,5%/01 năm, vượt quá mức lãi suất cho phép 88%. Tổng số tiền bị cáo P cho vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 49.050.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 8.960.000 đồng, số tiền bị cáo P thu trái pháp luật là 40.090.000 đồng, số tiền người vay chị Phạm Thị Ngọc K chưa trả cho bị cáo P là 15.000.000 đồng. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo Hoàng Xuân P phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của nhà nước.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm trước pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp.

Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, không gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng khi điều tra, xét xử vụ án. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời xét đến tình hình tài sản của người phạm tội. Xét thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc phạt tiền bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hình phạt mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Ngọc K**, anh **Cao Đức C**, anh **Phan Thế N** không yêu cầu, đề nghị về dân sự, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo **Hoàng Xuân P**: Khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay đã thu nợ được từ người vay là 10.000.000 đồng. Tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo thực tế đã thu của người vay là 8.960.000 đồng. Tổng cộng là 18.960.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị **Phạm Thị Ngọc K** số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) (là tiền gốc đã vay của **P** nhưng chưa trả).

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Xuân P**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu vàng hồng, số máy MGC72LL/A; số seri:FK1PMWY2G5QL; số EMEI: 354392068380909; bên trong có gắn 01 sim có dãy số 8984048831004129059. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong đã được niêm phong theo quy định. (Do bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc phạm tội).

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo **Hoàng Xuân P** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Phạt bị cáo **Hoàng Xuân P** **60.000.000 đồng** (sáu mươi triệu đồng). để sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo **Hoàng Xuân P** tổng số tiền là 18.960.000 đồng (mười tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước

- Truy thu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Ngọc K** số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo **Hoàng Xuân P**: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu vàng hồng, số máy MGC72LL/A; số seri:FK1PMWY2G5QL; số EMEI: 354392068380909; bên trong có gắn 01 sim có dãy số 8984048831004129059. Điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong (đã được niêm phong theo quy định).

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa **Công an thành phố T** và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 24/4/2024).*

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí: Buộc bị cáo **Hoàng Xuân P** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Hoàng Xuân P** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Phạm Thị Ngọc K**, anh **Cao Đức C**, anh **Phan Thế N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trần Thế Dũng – Lê Thị Thảo

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án hình sự + Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà